TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2023
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh;
2. Bà Đinh Thị Triết.

-*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2023/ TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về: ***"Ly hôn"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/ 2023/ QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975;
- Bị đơn: Anh Cao Văn L, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai;
Chị H có mặt; anh L vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn L qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng nửa tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh, chị tự nguyện đến Uỷ ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/11/1998.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian dài mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sau đó ngày càng trầm trọng hơn và không tự hòa giải được. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, không có sự tin tưởng và đùm bọc yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng căng thẳng. Anh L không tôn trọng chị, thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị, chị và anh L không có sự ràng buộc với nhau về kinh tế, phần ai nấy lo. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục duy trì

cuộc sống hôn nhân được nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn L.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Cao Thị Linh T, sinh ngày 12/ 12/1994; Cao Thị Hoàng N, sinh ngày 08/7/2003 và Cao Quốc B, sinh ngày 14/ 5/ 2005. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị có tài sản chung và có nợ chung nhưng tự thoả thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H quen biết tìm hiểu một thời gian khoảng nửa tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh, chị tự nguyện đến Uỷ ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/11/1998.

Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt. Nguyên nhân chính xuất phát từ phía chị H, giữa anh và chị H không có tranh cãi, mâu thuẫn hay bất hoà gì về con cái, tài sản chung nhưng chị H cứ kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh không hiểu lý do là gì. Anh và chị H đều đã lớn tuổi, hiện nay mỗi người sống một nơi, mặc dù giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nhưng vẫn còn nghĩa vụ với nhau vẫn cần phải cùng lo cho con cái và những vấn đề ràng buộc với nhau về tài sản và nợ chung nên anh không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh được về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung tên Cao Thị Linh T, sinh ngày 12/ 12/1994; Cao Thị Hoàng N, sinh ngày 08/7/2003 và Cao Quốc B, sinh ngày 14/ 5/2005. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập được nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Mặc dù anh L cho rằng vợ chồng vẫn còn những vấn đề ràng buộc với nhau về tài sản và nợ chung, nhưng tại phiên hòa giải thì anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và có nợ chung.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Thị H và Cao Văn L (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H (bản pho to); 01 Chứng minh nhân dân Cao Văn L (bản pho to); 03 Giấy khai sinh mang tên Cao Thị Linh T, Cao Thị Hoàng N và Cao Quốc B (đều là pho to);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/11/1998; Chị H và anh L có 03 con chung tên Cao Thị Linh T, sinh ngày 12/12/1994; Cao Thị Hoàng N, sinh ngày 08/7/2003 và Cao Quốc B, sinh ngày 14/5/2005. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Thị H và Cao Văn L (bản sao); 03 Giấy khai sinh mang tên Cao Thị Linh T, Cao Thị Hoàng N và Cao Quốc B (đều là pho to).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Văn L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

(*Có kèm theo bài phát biểu*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc *"Ly hôn"* giữa chị và anh Cao Văn L đang sinh sống tại thôn 3, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H:

Quá trình vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn L chung sống cùng nhau, anh chị đều thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn, chủ yếu là do anh, chị không hợp tính tình nhau, anh L không tôn trọng chị, thường xuyên chửi bới xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại. Anh Luyến thì cho rằng vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình, cãi vã qua lại rồi lại lo làm ăn, chứ không đến mức trầm trọng và mặc dù anh, chị đã không còn tình cảm với nhau nữa nhưng vẫn còn những nghĩa vụ chung với nhau về con, tài sản chung và nợ chung nên anh L xin được đoàn tụ gia đình.

Xét hôn nhân của chị H và anh L, mặc dù anh chị có thời gian dài chung sống với, có với nhau 3 con chung, đã xây dựng được khối tài sản chung nhưng trong cuộc

sống hàng ngày thì anh, chị thường xuyên để xảy ra cãi vã và hiện anh chị đã sinh sống và làm việc mỗi người một nơi, không còn thường xuyên chung sống với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nhưng chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn nên việc hòa giải đoàn tụ không đạt kết quả. Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/7/2023 thể hiện là chị H và anh L đã không còn thường xuyên chung sống cùng với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình đã không đạt được, nên HĐXX cần căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Văn L.

]3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Về con chung: Chị H và anh L có 03 con chung tên Cao Thị Linh T, sinh ngày 12/12/1994; Cao Thị Hoàng N, sinh ngày 08/7/2003 và Cao Quốc B, sinh ngày 14/5/2005. Hiện các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động, tự lập được nên đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L có tài sản chung và có nợ chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận giải quyết với nhau, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn anh Cao Văn L.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm *(LHST)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003925 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị H đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-VKS K;
-THA K;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CTPT**

ĐỖ THỊ LÀNH